

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 01 - 2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Sái Đức Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Viết Vĩnh

Ông Nguyễn Văn Hợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Giáp-Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2020/QĐXX-ST, ngày 17 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1995

Địa chỉ: Xóm Đ, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

Bị đơn: Anh Vi Văn C, sinh năm 1992

Địa chỉ: Xóm Đ, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự trình bày như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân:

- *Nguyên đơn chị N trình bày:* Tôi với anh Vi Văn C có tìm hiểu nhau một thời gian và đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã T, ngày 10/8/2016. Sau khi

kết hôn tình cảm vợ chồng sống hòa thuận và hạnh phúc đến tháng 6/2019, nguyên nhân dẫn đến ly hôn do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thường xuyên cãi vã lẫn nhau, chồng tôi chơi bời không quan tâm, bất đồng về mọi mặt dẫn đến vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn và ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Vi Văn C.

- *Bị đơn anh C trình bày*: Theo nội dung việc đăng ký kết hôn tự nguyện mà chị N vừa trình bày là đúng, vợ chồng vẫn sống hòa thuận bình thường, nhưng có điều tôi ít nói chuyện với vợ, thỉnh thoảng cũng xảy ra cãi nhau, tôi cũng bảo chị N “là ở thì ở được không thì đi” dẫn đến ly thân nhau khoảng 03 tháng nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn và ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị Hoàng Thị N. Tại phiên tòa anh C không đồng ý ly hôn với chị N.

2. Về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và thăm nom con sau khi ly hôn:

Về con chung: Cháu Vi Thị Hoàng L, sinh ngày 01/02/2017. Chị N và anh C đều đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị N và anh C đều không yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị N và anh Vi Văn C đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về công nợ chung: Chị Hoàng Thị N và anh Vi Văn C đều xác định không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho các đương sự về thời gian để suy nghĩ, tìm biện pháp giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, với mục đích đoàn tụ gia đình cùng nhau xây dựng hạnh phúc và nuôi dạy con trưởng thành. Nhưng chị N vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung. Còn anh C đề nghị được nuôi con. Vì vậy, Tòa án phải quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được Hội đồng xét xử thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, bị đơn anh Vi Văn C có địa chỉ: Xóm Đ, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh C có đăng ký kết hôn tự nguyện tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo chị N yêu cầu ly hôn với anh C là do mâu thuẫn gia đình, bất đồng quan điểm về kinh tế, anh C chơi bời, không quan tâm và không tôn trọng ý kiến của chị, nên dẫn đến mâu thuẫn tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay vợ chồng đã ly thân nhau một thời gian và không thể hàn gắn được, chị khẳng định không còn tình cảm gì với anh C. Tòa án đã kiên trì hoà giải nhưng các bên chỉ thỏa thuận được việc ly hôn, còn về nuôi con chung các bên đương sự không thỏa thuận được nên phải đưa ra xét xử. Tại phiên tòa anh C không nhất trí ly hôn với chị N. Hội đồng xét xử thấy: Về quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N được ly hôn với anh C là phù hợp với Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung: Cháu Vi Thị Hoàng L, sinh ngày 01/02/2017. Hội đồng xét xử thấy: Chị N và anh C không thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn. Vì vậy, cần xem xét các điều kiện như: việc làm, thu nhập và các yếu tố khác để đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L sinh sống, học tập và phát triển bình thường.

+ Về điều kiện việc làm và thu nhập: Chị N và anh C đều đang làm công nhân (chị N có thu nhập lương tháng trên 09 triệu đồng, anh C có thu nhập lương tháng khoảng 10 triệu đồng). Xét thấy, cả hai đương sự đều có điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con, nhưng hiện nay L được hơn 03 tuổi còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của người mẹ, nên cần giao cho chị N nuôi cháu là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật. Không chấp nhận yêu cầu của anh C được nuôi con.

2.3. *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Chị N không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

2.4. *Về quyền thăm nom con*: Sau khi ly hôn, anh C không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh C có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.5. *Về Tài sản chung và công nợ chung*: Không có, nên không xem xét.

2.6. *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 27 của Nghị quyết số: 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc nguyên đơn chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước;

[3] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 24; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Nguyễn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Vi Văn C.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Hoàng Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vi Thị Hoàng L, sinh ngày 01/02/2017 cho đến khi đủ 18 tuổi.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau, nên không xem xét.

4. Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn, anh C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh C có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

5. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

6. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước, được

trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000036 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

7. Thông báo về quyền kháng cáo: Có mặt nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện;
- Các đương sự trong vụ án;
- UBND xã T;
- Lưu HS, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sái Đức Trung

